**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 137/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2023
Tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN – TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Hữu Tấn; Bà Đặng Thị Mỹ Hường

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Kiều Văn L – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2023/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng L1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ F, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Trần Huệ Đ, sinh năm 1988. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng L1 trình bày: Năm 2020, bà L1 và ông Trần Huệ Đ quen biết, tìm hiểu thông qua mai mối và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 24/02/2020. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không đồng cảm, chia sẻ nhau trong cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra cự cãi nên bà L1 về nhà cha mẹ đẻ sinh sống. Do đó, bà L1 yêu cầu được ly hôn với ông Đ; Về con chung: có 01 con chung tên Trần Lê Nhã T, sinh ngày 29/10/2021 hiện đang sống cùng bà L1. Khi ly hôn, bà L1 yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Huệ Đ không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Giao con chung tên Trần Lê Nhã T, sinh ngày 29/10/2021 cho bà L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long

Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 24/02/2020 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu sự chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không có ý kiến.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Nguyên đơn, bị đơn quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân thông qua mai mối nhưng thời gian sống chung cũng đã dần hình thành tình cảm yêu thương giữa vợ chồng. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì tình cảm giữa cả hai dần phai nhạt, không chung tay xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không chung sống nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L1 và ông Đ có 01 con chung tên Trần Lê Nhã T, sinh ngày 29/10/2021. Bà L1 hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối. Do đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh

của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho bà L1 được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà L1 không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng L1 được ly hôn với ông Trần Huệ Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà L1 và ông Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà L1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Lê Nhã T, sinh ngày 29/10/2021.

Bà L1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà L1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Hông L2 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001962 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Nam**